

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH NUÔI CON HOÀN TOÀN BẰNG SỮA MẸ TRONG SÁU THÁNG ĐẦU TẠI THÀNH PHỐ HỘI AN

Nguyễn Thị Ngọc Anh^{1,2}, Nguyễn Hoàng Lan¹

(1)Trường Đại học Y Dược Huế - Đại học Huế; (2)Trung tâm Y tế thành phố Hội An, Quảng Nam

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Sữa mẹ là nguồn thức ăn quý giá nhất đối với trẻ nhỏ, không có loại thực phẩm nào có thể so sánh được. Tuy nhiên thực tế tại nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ ngày càng giảm. Báo cáo của Bộ Y tế cho thấy chỉ có 19,6% trẻ em Việt Nam được bú sữa mẹ hoàn toàn (BSMHT) trong 6 tháng đầu. Nghiên cứu được tiến hành tại Hội An với mục tiêu: mô tả tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam và; tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ ở địa bàn nghiên cứu. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang phỏng vấn trực tiếp 516 bà mẹ có con từ 6 tháng đến 1 tuổi tại thành phố Hội An. Thông tin về đặc điểm chung của mẹ và trẻ, hiểu biết và thái độ của bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ, cách nuôi dưỡng con trong 6 tháng đầu được thu thập dựa vào bộ câu hỏi có cấu trúc. Mô hình hồi qui đa biến logistic được sử dụng để tìm những yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu. **Kết quả:** Tỷ lệ bà mẹ cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 22,3%. Hiểu biết về nuôi con bằng sữa mẹ và thái độ về cho con bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu có liên quan có ý nghĩa thống kê đến tỷ lệ cho con bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (OR= 3,3; p=0,001 và OR= 10,4; p<0,001; theo thứ tự). **Kết luận:** Tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu ở thành phố Hội An năm 2014 cao hơn thống kê chung của toàn quốc. Đẩy mạnh giáo dục trước sinh cho các bà mẹ về kiến thức nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ là giải pháp cần thiết để nâng cao tỷ lệ cho con BSMHT trong 6 tháng đầu.

Từ khóa: Sữa mẹ, nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ, Hội An

Abstract

THE STUDY ON SITUATION OF EXCLUSIVE BREAST FEEDING FOR THE FIRST 6 MONTHS IN HOI AN

Nguyen Thi Ngoc Anh^{1,2}, Nguyen Hoang Lan¹

(1)Hue University of Medicine and Pharmacy - Hue University; (2)Quang Nam, Hoi An Medical Health Centre

Background: Breast milk is the most valuable source of food for infants, no food is comparable. However in many countries around the world including Vietnam, the breastfeeding prevalence has been declining. A report of the Ministry of Health showed that only 19.6% of infants in Vietnam were exclusively breastfed for the first 6 months. The study was conducted in Hoi An with the aim at describing the situation of exclusive breastfeeding for the first 6 months of the mothers in Hoi An city, Quang Nam province and; identifying some factors affecting exclusive breast feeding for the first 6 months in the study area. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted in Hoi An city in December 2014. 516 mothers of infants aged from 6 to 12 months were directly interviewed on the basis of a structured questionnaire. Information about general characteristics of mothers and their infants, their knowledge and attitude of breastfeeding and the feeding types of their baby for the first 6 months was collected. Multivariable logistic regression model was used to identify factors affecting exclusive breastfeeding for the first 6 months. **Results:** The exclusive breastfeeding prevalence for the first 6 months is 22.3%. Knowledge in breastfeeding and attitude toward exclusive breastfeeding for the first 6 months are factors that significantly related to exclusive breastfeeding prevalence for the first 6 months (OR = 3.3; p=0.001 and OR=10.4; p<0.001, respectively). **Conclusion:** The exclusive breastfeeding rate for the first 6 months in Hoi An city is low. The promoting antenatal education in exclusive breastfeeding is necessary solution to improve exclusive breastfeeding rate for the first 6 months.

Keywords: breast milk, exclusive breastfeeding, Hoi An

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sữa mẹ là nguồn thức ăn quý giá nhất đối với trẻ nhỏ, không có loại thực phẩm nào có thể so sánh được. Lợi ích và tính ưu việt của sữa mẹ không chỉ đối với sức khỏe của con mà còn đối với sức khỏe của cả mẹ đã được khẳng định. Sữa mẹ cung cấp đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng với tỷ lệ cân đối giúp cho sự phát triển của trẻ nhỏ, dễ tiêu hóa, dễ hấp thu, có các kháng thể giúp cơ thể trẻ chống lại bệnh nhiễm khuẩn, chống dị ứng, giúp trẻ phát triển trí thông minh, giảm nguy cơ mắc bệnh béo phì và một số bệnh mạn tính như tiêu chảy,.. [18]. Nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ (NCHTBSM) trong 6 tháng đầu đời là cách tốt nhất phòng tránh tử vong cho trẻ em [19]. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ước tính việc trẻ không được bú sữa mẹ hoàn toàn (BSMHT) trong 6 tháng đầu dẫn đến hơn một triệu ca tử vong ở trẻ em trên toàn thế giới mỗi năm mà lẽ ra có thể tránh được [20]. Tác động chủ yếu của việc nuôi con bằng sữa mẹ không chỉ quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển nơi có gánh nặng bệnh tật lớn, việc tiếp cận nước sạch và vệ sinh hạn chế mà còn ở các nước phát triển. Một nghiên cứu gần đây ở Mỹ cho thấy ở những trẻ không được bú mẹ tỷ lệ tử vong cao hơn 25%. Một nghiên cứu thuần tập ở Anh chứng tỏ có mối liên quan giữa những trẻ không được BSMHT trong 6 tháng đầu với tỷ lệ nhập viện do tiêu chảy 53% và nhiễm khuẩn đường hô hấp 27% [8]. Từ năm 1989, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) đã đưa ra khuyến nghị cho trẻ BSMHT trong 6 tháng đầu và tiếp tục cho trẻ bú mẹ cho đến 24 tháng tuổi, [3], [4]. Bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu được định nghĩa là chỉ cho trẻ bú mẹ mà không cho ăn, uống bất cứ thức ăn, đồ uống nào khác kể cả nước trừ các trường hợp có chỉ định của bác sỹ phải uống bổ sung các vitamin, khoáng chất hoặc thuốc [17]. Tuy nhiên thực tế tại nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ ngày càng giảm. Báo cáo của Bộ Y tế cho thấy chỉ có 19,6% trẻ em Việt Nam được bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và tỷ lệ trẻ bú sữa bình có xu hướng tăng dần từ 12% (2002) lên 22% (2006) [1].

Để góp phần đưa ra những giải pháp khuyến khích các bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ ở Việt Nam nói chung và tại Hội An nói riêng, chúng tôi tiến hành **“Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu tại thành phố Hội An”** với mục tiêu:

1. *Mô tả tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ tại thành phố*

Hội An, tỉnh Quảng Nam.

2. *Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ ở địa bàn nghiên cứu.*

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, mô tả, cắt ngang.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các bà mẹ sinh con trong năm 2014 tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn sau: 1) có con từ 6 tháng đến 1 tuổi tại thời điểm nghiên cứu (tháng 12/2014); 2) có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hội An; 3) tinh thần ổn định, giao tiếp tốt, hợp tác.

Nghiên cứu không bao gồm các bà mẹ sinh con chết hoặc các bà mẹ xin con nuôi.

2.3. Cỡ mẫu: Cỡ mẫu toàn thể, tổng số bà mẹ đáp ứng tiêu chuẩn nghiên cứu tham gia phỏng vấn là 516 người

2.4. Nội dung nghiên cứu và biến số nghiên cứu

2.4.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu:

- Đặc điểm nhân khẩu học, kinh tế, xã hội, tiền sử sản khoa và tiền sử bệnh tật của bà mẹ:

+ Kinh tế hộ gia đình được phân loại theo quyết định chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 của Thủ tướng Chính phủ cho khu vực thành thị [9]: mức thu nhập cho hộ nghèo: < 500.000 đồng/người/tháng; hộ cận nghèo: 501.000 – 650.000 đồng/người/tháng; hộ bình thường: >650.000 đồng/người/tháng.

+ Hôn nhân: chia làm 2 nhóm: sống cùng chồng và ly thân/ly dị

- Đặc điểm trẻ: cân nặng của trẻ khi sinh, bệnh tật của trẻ khi sinh.

2.4.2. Tình hình nuôi dưỡng trẻ trong 6 tháng đầu

- Hiểu biết của bà mẹ về lợi ích sữa mẹ gồm 10 câu hỏi về lợi ích của sữa mẹ với trẻ, mẹ và gia đình, xã hội. Trả lời đúng 1 câu được 1 điểm. Kết quả hiểu biết tốt khi tổng điểm đạt ≥ 7 điểm

- Hiểu biết về cách nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) gồm 10 câu hỏi bao gồm nội dung về thời điểm cho con bú mẹ sau sinh, bú sữa non, bú theo nhu cầu của trẻ, thời gian kéo dài cho con bú sữa mẹ, bú mẹ hoàn toàn, bú mẹ khi ốm, thời điểm ăn bổ sung. Trả lời đúng 1 câu được 1 điểm. Kết quả hiểu biết tốt khi tổng điểm đạt ≥ 7 điểm

- Thái độ của bà mẹ về NCBSM: sử dụng thang đo Likert gồm 5 mức độ từ rất không đồng ý (=1 điểm) đến rất đồng ý (=5 điểm) để đánh giá thái độ của bà

mẹ về các nội dung: nuôi con bằng sữa mẹ, cho trẻ bú sớm từ 30 phút đến 1 giờ sau sinh, cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu, bú mẹ trong 6 tháng đầu. Mỗi nội dung thái độ của bà mẹ được đánh giá tốt khi > 3 điểm.

- Tình hình nuôi dưỡng trẻ trong 6 tháng đầu: Bú mẹ hoàn toàn, bú mẹ chủ yếu (ngoài sữa mẹ còn cho trẻ uống thêm nước sôi nguội), bú mẹ một phần (cho trẻ vừa bú mẹ vừa ăn thêm các thức ăn khác như sữa bò, ngũ cốc), bú sữa công thức [44]

2.4.3. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Những biến số độc lập bao gồm: đặc điểm chung của bà mẹ, đặc điểm trẻ, hiểu biết của bà mẹ về lợi ích của sữa mẹ và cách nuôi con bằng sữa mẹ, thái độ của bà mẹ về NCBSM.

2.5. Thu thập số liệu: Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu tại hộ gia đình thông qua bộ câu hỏi cấu trúc sẵn. Bộ câu hỏi đã được điều tra thử trên 10 đối tượng và chỉnh sửa hợp lý trước khi tiến hành nghiên cứu tại thực địa.

2.6. Phân tích số liệu: Sử dụng phân tích mô tả để trình bày các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, tỉ lệ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu. Sử dụng mô hình hồi quy đa biến logistics để tìm ra các yếu tố liên quan đến thực hành NCBSMHT trong 6 tháng đầu. Giá trị $p \leq 0,05$ được xem có ý nghĩa về thống kê. Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu đã được sự chấp thuận của hội đồng khoa học của trường Đại học Y Dược Huế và được sự đồng ý của chính quyền địa phương trước khi tiến hành triển khai nghiên cứu.

2.8. Hạn chế nghiên cứu Thông tin thu thập chủ yếu dựa vào trả lời của bà mẹ, không trực tiếp theo dõi quan sát thực hành nuôi con của các bà mẹ nên sai số thông tin có thể xảy ra.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

3.1.1. Đặc điểm của mẹ

Các bà mẹ có con nhỏ từ 6 tháng đến 1 năm ở thành phố Hội An chủ yếu ở nhóm tuổi từ 20-40 tuổi chiếm 94,6%. Nghề nghiệp buôn bán chiếm tỷ lệ cao nhất 30%, tiếp đến là nội trợ 21,3%; nông dân chỉ chiếm 1,7%. Trình độ học vấn bà mẹ thuộc trung học cơ sở chiếm tỷ lệ nhiều nhất nhất 45,2%, tiểu học chiếm tỷ lệ ít nhất 2,1%, đa số bà mẹ cư trú ở thành thị chiếm tỷ lệ 74,4%. Đa số các bà mẹ có điều kiện kinh tế bình thường, chiếm 94,5%, có 5 bà

mẹ thuộc hộ nghèo (1%) và 14 bà mẹ thuộc hộ cận nghèo (4,5%). Phần lớn các bà mẹ đang sống chung với chồng (98,4%) và sinh sống trong gia đình có 2 thế hệ, chiếm 62%. Đa số các bà mẹ có từ 1-2 con (93,8%), có 51,7% các bà mẹ sinh mổ, đặc biệt có 16 trường hợp xảy ra tai biến sản khoa trong khi sinh: 5 bà mẹ bị băng huyết, 4 trường hợp bị vỡ tử cung và 7 bà mẹ bị nhiễm trùng sau sinh. Trong thời gian nuôi con hầu hết các bà mẹ đều khỏe mạnh (89,7%); bà mẹ mắc các bệnh lây nhiễm chiếm 5,8%; bệnh không lây nhiễm chiếm 4,5%. Sau khi sinh, 20,9% bà mẹ có ăn kiêng khem và 19,6% mẹ bị đau vú trong thời gian khi cho con bú.

3.1.2. Đặc điểm của trẻ

Hầu hết trẻ khi sinh đều đủ cân chiếm 95%, thiếu cân và thừa cân bằng nhau và chiếm 2,5%. Trẻ khi sinh bình thường chiếm 96,7%, bị bệnh chiếm 3,1%, và dị tật bẩm sinh chiếm 0,2%.

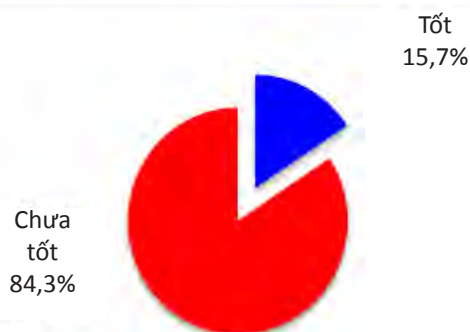
3.2 Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu năm

3.2.1. Hiểu biết của bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ

Biểu đồ 1a. Hiểu biết về lợi ích sữa mẹ



Biểu đồ 1b. Hiểu biết về cách nuôi con bằng sữa mẹ



Nhận xét: Các bà mẹ hiểu biết tốt về lợi ích sữa mẹ chỉ chiếm 15,1%, hiểu biết tốt về cách nuôi con bằng sữa mẹ tốt chiếm 15,7%.

3.2.2. Thái độ của mẹ đối với việc nuôi con bằng sữa mẹ

Bảng 1. Thái độ cho trẻ bú sữa mẹ

Thái độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thái độ cho trẻ bú sữa mẹ		
Thái độ tốt	511	99,0
Thái độ chưa tốt	5	1,0
Thái độ cho trẻ bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh		
Thái độ tốt	426	82,6
Thái độ chưa tốt	90	17,4
Thái độ cho trẻ bú mẹ trong 6 tháng đầu		
Thái độ tốt	491	95,2
Thái độ chưa tốt	25	4,8
Thái độ cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu		
Thái độ tốt	396	76,7
Thái độ chưa tốt	120	23,3
Tổng cộng	516	100

Nhận xét: Bà mẹ có thái độ tốt về cho trẻ bú sữa mẹ chiếm 99%; cho trẻ bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh chiếm tỷ lệ 82,6%; cho trẻ bú mẹ trong 6 tháng đầu chiếm tỷ lệ 95,2% và thái độ tốt về cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu chiếm tỷ lệ 76,7%.

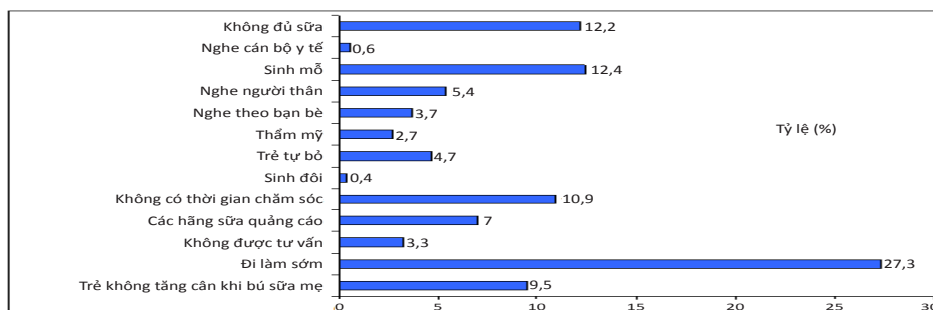
3.2.3. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu

Bảng 2. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu

Đặc điểm	Số lượng (n= 516)	Tỷ lệ (%)
Có bú sữa mẹ	468	90,7
Không bú sữa mẹ	48	9,3
Bú mẹ hoàn toàn	115	22,3
Bú mẹ và bú sữa công thức và/hoặc ăn bổ sung	316	61,2
Bú mẹ và uống nước và/ hoặc nước khác	37	7,2
Bú sữa công thức hoàn toàn và/hoặc ăn bổ sung	48	9,3

Nhận xét: Trong 6 tháng đầu có 90,7% trẻ được bú sữa mẹ; trong đó bú mẹ và bú sữa công thức và/hoặc cho trẻ ăn bổ sung chiếm tỉ lệ cao nhất chiếm 61,2%, trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn chiếm 22,3%; có 9,3% trẻ không được bú mẹ. Có 37 trẻ, chiếm 7,2% được nuôi bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu, tuy nhiên trẻ được cho uống thêm nước đun sôi và/hoặc các loại nước khác sau khi bú mẹ.

Biểu đồ 2. Lý do mẹ cho trẻ bú sữa công thức



Nhận xét: Lý do để cho trẻ bú sữa công thức là mẹ đi làm sớm chiếm tỷ lệ cao nhất 27,3%, sau đó là sinh mổ chiếm 12,4%; sinh đôi chiếm tỷ lệ thấp nhất 0,4%. Đặc biệt có 0,6% bà mẹ cho con bú sữa ngoài do tư vấn từ cán bộ y tế.

3.3. Những yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Bảng 3. Những yếu tố liên quan đến cho con bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Đặc điểm		OR	Giá trị p	95% khoảng tin cậy
Hiểu biết về NCBSM	Chưa tốt	1		
	Tốt	3,3	0,001	1,65 - 6,49
Thái độ cho trẻ BMHT 6 tháng đầu	Chưa tốt	1		
	Tốt	10,4	< 0,001	2,81 – 38,61

Nhận xét: Kết quả ở Bảng 3 chỉ trình bày các đặc điểm có liên quan có ý nghĩa thống kê đến bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu ($p < 0,05$). Nhóm các bà mẹ có hiểu biết tốt về NCBSM cho con bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu nhiều gấp 3,3 lần nhóm có kiến thức chưa tốt. Các bà mẹ có thái độ tốt về cho con BSMHT trong 6 tháng đầu cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu nhiều hơn 10,4 lần các bà mẹ không tán thành.

4. BÀN LUẬN

4.1. Hiểu biết và thái độ của các bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ

4.1.1. Hiểu biết về lợi ích của sữa mẹ và nuôi con bằng sữa mẹ

Lợi ích và tính ưu việt của sữa mẹ đã được các nhà khoa học, WHO, UNICEF khẳng định và lợi ích không chỉ đối với sức khỏe của con mà còn đối với sức khỏe của cả mẹ. Nuôi con bằng sữa mẹ là một biện pháp tự nhiên, khoa học, kinh tế và hiệu quả để bảo vệ sức khỏe của bà mẹ và trẻ em [13],[19]. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu, chỉ có 15,1% các bà mẹ có hiểu biết đúng về lợi ích của sữa mẹ. Thang đánh giá gồm 10 khía cạnh như: Có đầy đủ chất dinh dưỡng; có kháng thể chống nhiễm trùng; giúp trẻ thông minh; thuận tiện và sẵn có; gắn bó mẹ và con; giảm băng huyết sau khi sinh; tiết kiệm kinh tế; giảm ung thư vú, buồng trứng; kế hoạch hóa gia đình; giảm ô nhiễm môi trường. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra có 15,7% các bà mẹ có hiểu biết đúng về việc nuôi con bằng sữa mẹ. Thang đánh giá của mục này gồm 10 khía cạnh: Cho trẻ bú mẹ cả ngày lẫn đêm; cho trẻ bú theo nhu cầu khi trẻ khóc; cho trẻ bú hết một bên vú rồi chuyển sang vú kia; không cho trẻ uống nước hoặc sữa bột; mẹ cho trẻ ngậm bắt vú tốt; không vắt bỏ sữa non; bú sớm 1 giờ sau khi sinh; bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu; tiếp tục bú đến 12 tháng; tiếp tục bú đến 24 tháng. Kết quả của chúng tôi về các nội dung kiến thức thấp hơn các nghiên cứu đã thực hiện trước đây ở Việt Nam. Nghiên cứu của Tôn Thị Thanh Tú năm 2011 tại Bệnh viện Nhi Đồng 1, kiến thức chung của các bà mẹ về NCBSM chỉ đúng có 43,34%, trong đó hiểu biết về bú

mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu ít bà mẹ biết đến nhất, chiếm 48,04% trong tổng số đối tượng có kiến thức đúng [11]. Nghiên cứu của Lê Thị Yến Phi tại Bệnh viện Hùng Vương năm 2009, tỷ lệ sản phụ có kiến thức đúng về NCBSM là 29% [7] và nghiên cứu của Nguyễn Út tại quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng năm 2009, có đến 46,5% bà mẹ có hiểu biết đầy đủ về lợi ích của sữa mẹ [15].

4.2.2. Thái độ của bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ

Mặc dù hiểu biết của các bà mẹ về lợi ích của sữa mẹ cũng như cách nuôi con bằng sữa mẹ không cao, song hầu hết bà mẹ khi được hỏi đều đồng ý cho trẻ bú mẹ chiếm 99%. Tuy nhiên chỉ có 76,7% bà mẹ đồng ý cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và 82,6% bà mẹ đồng ý cho trẻ bú sớm trong vòng 1 giờ sau khi sinh. Cho trẻ bú càng sớm càng tốt, muộn nhất không quá 1 giờ đầu sau đẻ thường và 4 giờ sau mổ lấy thai sẽ tận dụng sớm được sữa non, động tác mút vú sẽ kích thích tuyến yên tiết oxytocin và prolactin giúp tử cung của mẹ co thắt tốt hơn, tránh được băng huyết sau đẻ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi về thái độ cho trẻ bú sớm sau sinh cao hơn kết quả nghiên cứu năm 2011 của Alive & Thrive (A&T) phối hợp với Viện nghiên cứu Y xã hội học (ISMS) tiến hành điều tra tại 11 tỉnh thành trên cả nước. Nghiên cứu của A&T cho thấy có 78,8% phụ nữ được phỏng vấn cho rằng trẻ cần được bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh, 74,4% thấy trẻ sơ sinh cần được bú sữa non [1]. Kết quả này cho thấy ngoài kiến thức, còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến thái độ của phụ nữ về cho con bú sữa mẹ, cần có những nghiên cứu thêm để tìm hiểu những vấn đề này.

4.2. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Tuy kết quả đánh giá về hiểu biết và thái độ của nghiên cứu chúng tôi thấp hơn các nghiên cứu khác trong nước, nhưng kết quả thực hành NCHTBSM cho thấy ở Hội An, tỷ lệ các bà mẹ cho con bú sữa mẹ cao hơn một số tỉnh thành phố trong cả nước. Trong tổng số 516 bà mẹ được khảo sát, có 90,7% bà mẹ cho con bú sữa mẹ trong 6 tháng đầu; trong đó trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn là 22,3%, có 9,3% trẻ không được bú mẹ. Tỷ lệ BMHT trong 6 tháng đầu ở các tỉnh triển khai

Dự án A & T như Khánh Hòa là 0,6%, Đà Nẵng: 3,5%, Cà Mau: 6,5%, Tiền Giang: 11,6%; nhưng thấp hơn so với kết quả chung của toàn tỉnh Quảng Nam (36,9%). Kết quả này của chúng tôi cũng cao hơn so với tỷ lệ được Viện dinh dưỡng công bố năm 2012 về kết quả tổng điều tra dinh dưỡng năm 2009 – 2010 trên 64 tỉnh/ thành phố là 19,6% [16]. Theo Bộ Y tế, tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu còn rất thấp, là thách thức lớn trong chương trình Dinh dưỡng. Hiện trạng này là do 3 nhóm nguyên nhân chính: thứ nhất là thiếu hỗ trợ từ các chính sách Nhà nước; thứ hai là do các đơn vị trong ngành y tế chưa thực hiện tốt hoạt động khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ, cụ thể là cán bộ y tế thiếu cung cấp kiến thức và kỹ năng cho bà mẹ, thiếu quyết tâm để xây dựng và cũng như duy trì bệnh viện bạn hữu trẻ em; bên cạnh đó là sự quảng cáo quá mức và quà tặng hấp dẫn của các hãng sữa về sản phẩm thay thế sữa mẹ đã ảnh hưởng không nhỏ đến cán bộ y tế; và thứ ba là từ phía cộng đồng: ít người dân tin rằng bà mẹ có thể đủ sữa cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng [2]. Kết quả từ nghiên cứu cho thấy phần lớn các bà mẹ bổ sung thêm nước hoặc các loại thức ăn đặc khác vào bữa ăn của trẻ thay vì bú mẹ hoàn toàn. Đây cũng là khuyến cáo của Bộ Y tế, UNICEF, WHO và A & T tại Tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ 2014: Tỷ lệ trẻ ăn sữa bột thay thế sữa mẹ và ăn bổ sung trước 6 tháng đang có xu hướng ngày càng tăng [12]. Theo một nghiên cứu định tính được UNICEF tiến hành trong năm 2008 trên cả nước cho thấy NCBSMHT bị ảnh hưởng bởi sự thiếu hiểu biết và thái độ tích cực của nhân viên y tế cũng như người dân. Rất nhiều quan niệm sai lầm đã được dẫn chứng ra trong nghiên cứu này như “trẻ sơ sinh cần nước để làm sạch miệng hoặc tránh khát”; “sữa mẹ không đủ năng lượng” hay “sữa ngoài tốt không kém so với sữa mẹ, nhiều DHA”; “nuôi con bằng sữa ngoài thể hiện sự quan tâm chăm sóc tốt đối với trẻ”,... [6]. Nghiên cứu của A&T cũng cho kết quả tương tự, các bà mẹ tin rằng trẻ cần được uống thêm nước trong vòng 6 tháng tuổi vì sẽ bị khát hoặc quá nóng; trẻ sẽ đói nếu không được ăn sữa bột trong 24 tiếng đầu sau sinh; cần phải tráng miệng trẻ sơ sinh bằng nước sau khi bú để tránh bị tưa lưỡi, ăn kết hợp giữa sữa bột và thức ăn đặc sẽ cung cấp nguồn dinh dưỡng tốt nhất cho trẻ dưới 6 tháng tuổi,... [1]. Vì thế, nâng cao hiểu biết và tăng cường thực hành dinh dưỡng hợp lý là giải pháp cần thiết để đạt được mục tiêu chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là nâng tỷ lệ trẻ BSMHT trong 6 tháng đầu đạt 27% vào năm 2015 và đạt 35% vào năm 2020 [3].

Nghiên cứu đã cho thấy trong các lý do để mẹ cho trẻ bú sữa ngoài trong 6 tháng đầu, ba nguyên

nhân chiếm tỉ lệ cao nhất là mẹ đi làm sớm chiếm tỷ lệ cao nhất 27,3%, tiếp đến là sinh mổ chiếm 12,4% và không đủ sữa chiếm 12,2%. Tương tự, một nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2002 cho thấy những yếu tố chính làm giảm tỷ lệ NCBSM là không đủ sữa chiếm 61,8%, người mẹ phải đi làm trở lại là 30,9% [5]. Nghiên cứu của Học viện nhi khoa Hoa Kỳ đã cung cấp thêm bằng chứng cho thấy mối liên hệ giữa việc kéo dài thời gian nghỉ thai sản với sự gia tăng tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ. Số phụ nữ đi làm lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi sinh có khả năng ngừng cho con bú trước khi trẻ được 6 tháng tuổi cao gấp 3 lần so với những bà mẹ không phải đi làm sớm trở lại [18]. Đây có thể là lý do để giải thích tỷ lệ cho con bú sữa mẹ ở Hội An cao hơn các tỉnh/thành phố khác; bởi vì đa số phụ nữ ở đây lao động tại nhà (thợ may, nội trợ) hoặc lao động tự do, họ có thể tự quản lý giờ làm việc, do đó ít ảnh hưởng đến việc kéo dài thời gian cho con bú. Có thể thấy, bà mẹ phải trở lại làm việc sớm sau khi sinh và đối mặt với các áp lực, căng thẳng trong công việc dẫn đến việc ngừng cho trẻ bú hoàn toàn sớm. Do đó, những bà mẹ đi làm cần được hỗ trợ bao gồm cả các chính sách hỗ trợ để đảm bảo duy trì việc nuôi con bằng sữa mẹ. Có thể nói, Luật Lao động sửa đổi quy định thời gian nghỉ chế độ thai sản trước và sau khi sinh con là 6 tháng, có hiệu lực từ năm 2013 đã tạo ra một môi trường hỗ trợ và bảo vệ bà mẹ và trẻ em để đảm bảo trẻ em được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu đời. Một chế độ nghỉ thai sản ưu việt là một sự đầu tư thông minh cho tương lai Việt Nam [14].

4.3. Một số yếu tố liên quan đến nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu

Kết quả phân tích từ mô hình hồi qui đa biến logistics cho thấy chỉ có hai yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê đến bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là hiểu biết về nuôi con bằng sữa mẹ và thái độ về BMHT trong 6 tháng đầu, trong đó thái độ có ảnh hưởng mạnh nhất (OR= 10,4).

Nhóm bà mẹ có hiểu biết tốt về NCBSM có tỷ lệ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu cao hơn gấp 3,3 lần nhóm bà mẹ hiểu biết chưa tốt (bảng 3). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Huỳnh Văn Tú và Nguyễn Vũ Linh tại bệnh viện Phụ sản nhi bán công Bình Dương năm 2009, có sự liên quan giữa hiểu biết về dinh dưỡng cho trẻ dưới 6 tháng tuổi và tỷ lệ NCBSMHT trong thời gian nằm viện sau sinh [11] và nghiên cứu của Tôn Thị Huyền Trang ở một số phường tại thành phố Huế, những bà mẹ có hiểu biết tốt về NCBSMHT thì có tỷ lệ NCBSMHT trong 6 tháng đầu cao hơn so với nhóm các bà mẹ hiểu biết chưa tốt [10]. Nhóm bà mẹ có thái độ tốt về NCBSMHT có

tỷ lệ trẻ bú mẹ trong 6 tháng đầu cao hơn 10,4 lần nhóm các bà mẹ có thái độ chưa tốt (bảng 3). Theo kết quả điều tra ban đầu của Tổ chức A & T và Viện Y – Xã hội học năm 2011, chỉ 52,5% bà mẹ cho rằng trẻ chỉ bú sữa mẹ trong 6 tháng đầu là tốt [1]. Điều này cho thấy vai trò của truyền thông giáo dục nhằm cung cấp kiến thức cho các bà mẹ rất quan trọng để tăng tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu. Tăng cường cung cấp kiến thức để thay đổi hành vi cho các bà mẹ về nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ không chỉ cần thiết để thay đổi niềm tin, phong tục tập quán không đúng về cách nuôi con bằng sữa mẹ của cộng đồng, mà còn tác động đến thái độ của các bà mẹ về NCBSMHT, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay

kinh tế phát triển, sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động xã hội ngày càng nhiều, các loại sữa công thức đang được quảng cáo tích cực trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

5. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

Tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu ở thành phố Hội An năm 2014 chiếm 22,3%. Những yếu tố liên quan đến tỷ lệ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là hiểu biết và thái độ về nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ. Đẩy mạnh giáo dục cho các bà mẹ trước sinh về kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ là giải pháp cần thiết để nâng cao tỷ lệ cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alive & Thrive Việt Nam (2012), Báo cáo điều tra ban đầu tại 11 tỉnh triển khai Dự án
2. Bộ Y tế (2009), Kế hoạch hành động quốc gia vì sự sống còn trẻ em giai đoạn 2009 - 2015.
3. Bộ Y tế (2014), Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ.
4. Bộ Y tế (2015), Nuôi dưỡng trẻ nhỏ, Hà Nội.
5. Jerzy Kuzma (2013), "Knowledge, attitude and practice related to infant feeding among women in rural Papua New Guinea: a descriptive, mixed method study", *International Breastfeeding Journal* 8 (16).
6. Madoka Inoue RN, et al (2007), "Japanese mothers' breastfeeding knowledge and attitudes assessed by the Iowa infant feeding attitudes scale", *Asia Pac J Clin Nutr.* 22(2), tr. 261-265.
7. Phan Thị Tâm Khuê, Nguyễn Thị Hồng Phương và Trần Thị Lệ Kiều (2009), Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại khoa Sản, Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế Tiểu luận tốt nghiệp
8. Mona Nabulsi, et al (2014), "A complex breastfeeding promotion and support intervention in a developing country: study protocol for a randomized clinical trial", *BMC Public Health.* 14 (36), tr. 1-11.
9. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015. Hà Nội ngày 30/01/2011.
10. Tôn Thị Huyền Trang (2013), Nghiên cứu tình hình nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu ở một số phường tại thành phố Huế, Luận văn tốt nghiệp Bác sỹ Y học dự phòng, Trường Đại học Y Dược Huế.
11. Huỳnh Văn Tú và Nguyễn Vũ Linh (2010), "Thực

- trạng nuôi con bằng sữa mẹ trong thời gian nằm viện sau sinh tại Bệnh viện Phụ sản Nhi bán công Bình Dương năm 2009", *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh.* 14, tr. 366-370.
12. UNICEF (2011), Truyền thông Đại chúng về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và ăn bổ sung nhằm giảm tỷ lệ thấp còi và suy dinh dưỡng ở Việt Nam, Hà Nội, truy cập ngày 15/5/2015, tại trang web http://www.unicef.org/vietnam/vi/media_19458.html.
13. UNICEF (2014), Tuần lễ Thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ 2014: Sữa mẹ - Món quà vô giá cho cuộc sống!, truy cập ngày 12/6/2015, tại trang web http://www.unicef.org/vietnam/vi/media_22877.html.
14. UNICEF, A&T và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011), Một chế độ nghỉ thai sản ưu việt là một sự đầu tư thông minh cho tương lai Việt Nam
15. Nguyễn Út (2009), Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 24 tháng tuổi tại quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, *Tạp chí Y học thực hành.* 718+719, tr. 488-495.
16. Viện dinh dưỡng, Alive & Thrive Việt Nam và UNICEF (2013), Thông tin Giám sát dinh dưỡng năm 2013.
17. Vụ sức khỏe bà mẹ - trẻ em - Bộ Y tế (2008), Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, Nhà xuất bản Lao động xã hội.
18. Wall G (2012), Outcomes of breastfeeding versus formula feeding, Washington DC
19. WHO (2013), Lợi ích của sữa mẹ và nuôi con bằng sữa mẹ, truy cập ngày 15/5/2015, tại trang web http://www.wpro.who.int/vietnam/mediacentre/releases/2013/policy_brief_world_breastfeeding_week_VN.pdf
20. WHO (2013), 10 facts on breastfeeding, truy cập ngày 15/5/2015, tại trang web <http://www.who.int/features/factfiles/breastfeeding/en/>.